



VNU Journal of Foreign Studies

Journal homepage: <https://jfs.ulis.vnu.edu.vn/>



USING MIND MAPS IN CHINESE FOR ECONOMICS COURSES: EXPERIMENT, RESULTS AND DISCUSSION

Nguyen Thi Hao*

*Faculty of Chinese Language and Culture, VNU University of Languages and International Studies,
No.2 Pham Van Dong, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

Received 27 November 2024

Revised 07 January 2025; Accepted 16 October 2025

Abstract: In the process of studying Chinese for economics courses, students often face difficulties in memorizing and organizing knowledge, as well as in understanding specialized content and terminology. These difficulties create psychological barriers that adversely affect their motivation to learn. To address this issue, the author conducted an action research that applied mind maps to design, teaching and learning activities in Chinese for economics. The study was carried out over 15 weeks with 86 students majoring in Chinese Language across four classes from the same cohort at a university specializing in foreign language education. To evaluate the effectiveness of this approach, the author compared the results of pre- and post-tests conducted at the beginning and end of the semester, respectively. Additionally, a survey was administered to investigate students' perceptions of the teaching and learning activities based on this approach. The results indicated that the challenges students faced were significantly mitigated. Most students expressed a preference for this approach and highlighted several advantages. However, some students also encountered difficulties in completing mind maps and made suggestions to overcome the disadvantages of this approach.

Keywords: mind map, teaching methodology, Chinese for economics, pedagogical improvement

* Corresponding author.

Email address: haohongdou@gmail.com

<https://doi.org/10.63023/2525-2445/jfs.ulis.5425>

SỬ DỤNG SƠ ĐỒ TƯ DUY TRONG CÁC MÔN HỌC TIẾNG TRUNG QUỐC CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ: THỬ NGHIỆM, KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

Nguyễn Thị Hảo

*Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Trung Quốc, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội,
Số 2 Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận bài ngày 27 tháng 11 năm 2024

Chỉnh sửa ngày 07 tháng 01 năm 2025; Chấp nhận đăng ngày 16 tháng 10 năm 2025

Tóm tắt: Trong quá trình học các môn học tiếng Trung Quốc chuyên ngành kinh tế, sinh viên thường gặp nhiều khó khăn trong việc ghi nhớ và hệ thống kiến thức, trong việc hiểu các nội dung và thuật ngữ chuyên ngành, gây ra những trở ngại tâm lý, ảnh hưởng không nhỏ đến động lực học tập. Để giải quyết tình trạng này và cải thiện hiệu quả dạy và học, tác giả đã thực hiện một nghiên cứu hành động, trong đó sử dụng sơ đồ tư duy để thiết kế các hoạt động dạy và học. Nghiên cứu này^o được thực hiện trong vòng 15 tuần với sự tham gia của 86 sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc trong 4 lớp cùng khóa tại một trường đại học chuyên về nghiên cứu và giảng dạy ngoại ngữ. Để đánh giá hiệu quả của phương pháp sơ đồ tư duy, tác giả đã so sánh kết quả của hai bài kiểm tra đầu vào và đầu ra, diễn ra trước và sau khi thử nghiệm. Cuối kì học, tác giả cũng thu thập ý kiến của sinh viên đối với các hoạt động dạy và học sử dụng sơ đồ tư duy thông qua một bản khảo sát. Kết quả cho thấy những khó khăn mà sinh viên gặp phải đã được cải thiện đáng kể. Đa phần sinh viên cũng khẳng định sự yêu thích của mình đối với phương pháp này và chỉ ra nhiều ưu điểm. Tuy nhiên, sinh viên cũng gặp một số khó khăn trong quá trình hoàn thiện sơ đồ tư duy và đã đưa ra một vài đề xuất để khắc phục những vấn đề này.

Từ khóa: sơ đồ tư duy, phương pháp giảng dạy, tiếng Trung Quốc chuyên ngành kinh tế, cải tiến sư phạm

1. Đặt vấn đề

Cùng với sự tăng cường về hợp tác kinh tế thương mại giữa Việt Nam và các quốc gia trong khu vực văn hóa chữ Hán, nhu cầu học tiếng Trung kinh tế tại Việt Nam ngày càng cao. Tuy nhiên, trong quá trình giảng dạy và học tập, không ít khó khăn đã nảy sinh. Thực tiễn giảng dạy và kết quả khảo sát của tác giả cho thấy: Trong 86 sinh viên (SV) tham gia khảo sát, có đến 23,5% chọn mức độ 5 (rất khó) và 58,8% chọn mức độ 4 (tương đối khó) cho các môn học này. Cụ thể, chiếm tỉ lệ cao nhất, 76,5% SV gặp khó khăn trong việc ghi nhớ và hệ thống kiến thức, 70,6% SV gặp khó khăn trong việc hiểu các nội dung và từ vựng chuyên ngành kinh tế. Hai khó khăn chính này đã gây ra trở ngại tâm lý, ảnh hưởng đến động lực học tập của người học.

Nhận thấy những ưu điểm và sự phù hợp của sử dụng sơ đồ tư duy (SĐTD) trong các môn học tiếng Trung Quốc chuyên ngành kinh tế và để giúp SV giải quyết những khó khăn và từng bước cải thiện hiệu quả học tập, tác giả đã tiến hành một nghiên cứu hành động, trong đó sử dụng SĐTD trong một học kì 15 tuần nhằm đánh giá hiệu quả của hướng tiếp cận này. Nghiên cứu này nhằm trả lời cho các câu hỏi sau:

^o Nghiên cứu này được Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội cấp kinh phí trong khuôn khổ Nhiệm vụ KHCN & ĐMST cấp trường mã số N24.02.

1. *Sử dụng SĐTD trong các học phần tiếng Trung Quốc chuyên ngành kinh tế có giúp SV cải thiện những khó khăn khi học không? Nếu có, ở mức độ nào? Khía cạnh nào?*

2. *Quan điểm của SV về việc dạy và học tiếng Trung Quốc chuyên ngành kinh tế sử dụng SĐTD là gì?*

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Kể từ khi được giới thiệu đầu tiên vào cuối thập niên 60 của thế kỉ 20 bởi nhà tâm lý học người Anh Tony Buzan, đã có nhiều công trình nghiên cứu về việc áp dụng SĐTD trong giáo dục nói chung và giảng dạy ngoại ngữ nói riêng tại nhiều quốc gia với nhiều cấp học khác nhau. Đơn cử tại Trung Quốc, các nghiên cứu sớm nhất và tính đến nay cũng chiếm số lượng nhiều nhất là về ứng dụng SĐTD trong giảng dạy tiếng Anh. Trong lĩnh vực giảng dạy tiếng Trung Quốc, năm 2011, tác giả Li lần đầu tiên kết hợp phương pháp SĐTD với giảng dạy từ vựng. Mặc dù chưa có những khảo sát mang tính định lượng, nhưng công trình này đã đề xuất một cách dạy từ vựng mới mẻ so với cách dạy truyền thống. Tiếp sau đó, đặc biệt từ sau năm 2015 trở lại đây, các nghiên cứu chủ yếu tập trung vào việc sử dụng SĐTD trong các kĩ năng hoặc phân môn cụ thể, như: các công trình nghiên cứu của Liu (2018) trong môn đọc hiểu, Yuan (2021) trong tiếng Trung Quốc chuyên ngành y học, Lu (2023) trong giảng dạy từ vựng...

Ở Việt Nam, khoảng mười năm trở lại đây, những nghiên cứu về phương pháp dạy học này đã bắt đầu xuất hiện và ngày càng nhiều, từ giới thiệu chung về mặt lý luận đến những nghiên cứu ứng dụng cụ thể phương pháp này vào một môn học cụ thể tại các cấp học khác nhau. Trong lĩnh vực giảng dạy ngoại ngữ, các công trình đã công bố chủ yếu tập trung vào tiếng Anh với những kĩ năng hoặc phân môn cụ thể, ví dụ như: công trình nghiên cứu của Trần (2021) trong dạy học thành tố phát âm, Phạm (2021) trong kĩ năng viết, Nguyễn (2022) trong giảng dạy từ vựng, Lê (2023) trong kĩ năng nói... Trong lĩnh vực lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Hán, so với các lĩnh vực khác cũng như so với tình hình nghiên cứu ở Trung Quốc, vấn đề này chưa được nghiên cứu một cách đầy đủ, chưa xuất hiện nhiều nghiên cứu chuyên sâu. Chúng tôi mới chỉ tra cứu được sớm nhất là khóa luận tốt nghiệp của Trương (2015) về sử dụng SĐTD trong ghi chép của người học trong môn “Khái luận về Trung Quốc” hay gần đây là báo cáo của Đỗ (2022) về ứng dụng SĐTD trong giảng dạy từ vựng giai đoạn sơ cấp.

Như vậy, tuy có nhiều nghiên cứu áp dụng SĐTD vào giảng dạy ngoại ngữ, nhưng tại Việt Nam, trong lĩnh vực giảng dạy tiếng Trung Quốc, hướng nghiên cứu này còn chưa phổ biến, thiếu các công trình mang tính hệ thống, toàn diện và định lượng về mức độ hiệu quả. Với nghiên cứu của mình, tác giả hi vọng có thể góp một tiếng nói trong sự đánh giá hiệu quả của việc sử dụng SĐTD trong dạy và học tiếng Trung Quốc chuyên ngành kinh tế ở bậc đại học.

3. Cơ sở lý luận

3.1. Sơ đồ tư duy

Theo Li (2011, tr. 7), SĐTD là “một công cụ tư duy trực quan, phi tuyến tính, hỗ trợ biểu đạt tư duy theo cách tự nhiên của não bộ con người”. Đây là phương pháp giúp cải thiện khả năng tư duy phân tán, tăng cường sự mạch lạc trong quá trình tư duy và hỗ trợ người dùng nắm bắt toàn diện các ý tưởng. SĐTD có những đặc điểm nổi bật sau: (1) Trực quan và phi tuyến tính: Giúp tổ chức thông tin một cách tự nhiên; (2) Tập trung vào tiêu điểm: Thể hiện chủ đề trung tâm rõ ràng, các nhánh phát triển từ trung tâm ra xung quanh; (3) Kết hợp tư duy phân tán và tư duy cấu trúc: Đặc biệt trong môi trường học thuật, SĐTD được thiết kế theo hướng

cấu trúc hóa, phù hợp với các môn học có tính logic và yêu cầu ghi nhớ cao.

SĐTD có nhiều loại khác nhau, chủ yếu bao gồm 8 loại sau: sơ đồ hình tròn (Circle Map), sơ đồ bong bóng (Bubble Map), sơ đồ bong bóng kép (Double Bubble Map), sơ đồ hình cây (Tree Map), sơ đồ dấu ngoặc (Brace Map), sơ đồ dòng chảy (Flow Map), sơ đồ cấu trúc (Structure Map), và sơ đồ đa dòng (Multi-Flow Map).

3.2. Đặc điểm cơ bản của các môn học tiếng Trung Quốc chuyên ngành kinh tế

Theo phân loại dựa trên mục đích giảng dạy, tiếng Trung Quốc chuyên ngành kinh tế (Shangwu Hanyu) là một phân môn thuộc nhóm tiếng Trung Quốc chuyên ngành, bên cạnh tiếng Trung Quốc du lịch, tiếng Trung Quốc luật, tiếng Trung Quốc y học cổ truyền v.v... Do đó, các môn học tiếng Trung Quốc chuyên ngành kinh tế thường có mục tiêu kép, một mặt giúp người học nắm vững kiến thức và kỹ năng cơ bản về tiếng Trung, một mặt, cung cấp kiến thức nền tảng về kinh tế, thương mại, quản lý, cũng như hiểu biết cơ bản về văn hóa kinh doanh, để đáp ứng mục tiêu của đào tạo chuyên ngành.

3.3. Sự tương thích giữa SĐTD và tiếng Trung Quốc chuyên ngành kinh tế

Đặc tính trực quan và tính tăng bậc rõ ràng của SĐTD giúp người học thuận lợi hơn trong việc hệ thống lại các kiến thức, khái niệm và thuật ngữ thương mại. Thông qua SĐTD, người học có thể trình bày rõ ràng các điểm chính và mối quan hệ logic giữa các thành phần, từ đó tăng cường khả năng ghi nhớ và hiểu biết. Ngoài ra, SĐTD cũng có ưu điểm nổi bật trong các tình huống lập kế hoạch, thuyết trình và thảo luận thương mại, nâng cao hiệu quả và chất lượng giao tiếp. Tính linh hoạt của nó cho phép đáp ứng các nhu cầu học tập đa dạng của tiếng Trung Quốc chuyên ngành kinh tế, trở thành một công cụ hỗ trợ hiệu quả.

4. Cách thức sử dụng SĐTD trong các môn học tiếng Trung Quốc chuyên ngành kinh tế

Các hoạt động sử dụng SĐTD được thiết kế một cách đa dạng và linh hoạt, phù hợp với từng nội dung bài học, nhằm phát triển năng lực của người học, được lồng ghép trong các hoạt động dạy của giảng viên (GV) và hoạt động học của SV.

4.1. Sử dụng SĐTD trong các hoạt động dạy của GV

Việc sử dụng SĐTD trong các hoạt động dạy của GV đóng vai trò quan trọng trong việc trình bày nội dung bài học một cách trực quan và logic. SĐTD cần được sử dụng linh hoạt ở các khâu khác nhau trong bài giảng đảm bảo phù hợp với thời lượng và nội dung giờ học, nhằm mang lại hiệu quả dạy - học tối ưu.

4.1.1. Sử dụng SĐTD khi dẫn nhập kiến thức mới

Khi bắt đầu một chương mới hoặc một nội dung kiến thức mới, GV có thể sử dụng SĐTD để giúp sinh viên có cái nhìn tổng thể và khơi gợi hứng thú cho người học. Ví dụ, với nội dung tiến trình kinh tế Trung Quốc từ 1949 đến nay, trong phần dẫn nhập, GV sử dụng SĐTD dạng dòng chảy thể hiện một cách logic và rõ ràng quá trình phát triển của nền kinh tế Trung Quốc đương đại qua các giai đoạn khác nhau. Người học ấn tượng mạnh với các mốc thời gian, các hình ảnh tiêu biểu của từng thời kỳ cũng như sự chuyển tiếp từ giai đoạn này sang giai đoạn khác, hào hứng bước vào bài học mới.

Hình 1

SĐTD các giai đoạn phát triển của kinh tế Trung Quốc đương đại (1949-nay)



4.1.2. Sử dụng SĐTD khi trình bày nội dung bài học

SĐTD giúp người học dễ dàng nắm bắt được các khái niệm phức tạp thông qua sự phân loại và hệ thống hóa thông tin. Ví dụ như ở hình 2, nội dung mối quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Trung Quốc được thể hiện trên 4 phương diện: lịch sử, tình hình hiện nay, đặc điểm và các vấn đề còn tồn tại. Thay vì tiếp cận kiến thức một cách rời rạc, SV có thể hình dung được mối liên hệ giữa các nhánh nội dung, ví dụ: từ lịch sử và hiện trạng sẽ khái quát được đặc điểm, từ đặc điểm sẽ suy luận ra các vấn đề còn tồn tại trong thương mại Việt - Trung. Hơn nữa, SĐTD còn hỗ trợ việc ghi nhớ thông tin hiệu quả hơn.

Hình 2

SĐTD mối quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Trung Quốc



4.1.3. Sử dụng SĐTD khi tổng kết kiến thức

Các môn học tiếng Trung Quốc chuyên ngành kinh tế thường khá nặng về lý thuyết, cuối mỗi buổi học, GV cần tổng kết lại kiến thức. Đây bước quan trọng giúp SV hệ thống lại kiến thức, ghi nhớ các cụm từ trọng điểm, các thuật ngữ quan trọng. Nếu như GV có thể sơ đồ hóa kiến thức và từ trọng điểm thành SĐTD sẽ khiến kiến thức trở nên sinh động, giúp SV ghi nhớ được đầy đủ, thậm chí ghi nhớ sâu sắc nội dung đã học một cách đơn giản, nhanh chóng.

Hình 3

Sơ đồ hình cây các ngành công nghiệp trọng điểm của Trung Quốc



SĐTD hình cây trong trường hợp này giúp thể hiện một cách trực quan các ngành công nghiệp trọng điểm của Trung Quốc. Các nhánh cây đại diện cho từng ngành cụ thể như: chế tạo ô tô, điện tử, xây dựng và hóa dầu, giúp người xem dễ dàng hình dung sự phân loại và mối liên hệ giữa các ngành. Các sản phẩm tiêu biểu của mỗi ngành cũng được thể hiện bằng các hình vẽ sinh động, giúp người xem dễ dàng nắm bắt. Ngoài ra, hình ảnh cây mang tính biểu tượng cho sự phát triển và bền vững, nhấn mạnh tầm quan trọng của các ngành công nghiệp này trong nền kinh tế quốc gia. Cách bố trí này không chỉ dễ hiểu mà còn tạo ấn tượng mạnh mẽ và giúp ghi nhớ lâu hơn, trở thành tài liệu ôn tập hữu ích cho SV sau mỗi bài học.

Có thể thấy, cách sử dụng SĐTD trong giảng dạy cần được điều chỉnh linh hoạt theo từng giai đoạn với những mục tiêu và phương pháp khác nhau. Khi dẫn nhập kiến thức, SĐTD thường được sử dụng để cung cấp cái nhìn tổng thể và khơi gợi hứng thú học tập. Các sơ đồ dòng chảy hoặc sơ đồ cấu trúc đơn giản giúp sinh viên hình dung mối liên hệ chung giữa các nội dung bài học, đồng thời tạo ấn tượng ban đầu mạnh mẽ. Trong quá trình trình bày nội dung, SĐTD hỗ trợ phân loại, hệ thống hóa thông tin phức tạp bằng cách chi tiết hóa các khái niệm và chỉ rõ mối liên hệ logic giữa chúng. Các sơ đồ phân nhánh chi tiết thường được sử dụng để SV có thể tiếp cận nội dung bài học một cách sâu sắc và logic hơn. Cuối cùng, khi tổng kết kiến thức, SĐTD được áp dụng để hệ thống hóa và củng cố lại các điểm chính của bài học, giúp SV ghi nhớ dễ dàng hơn. Sơ đồ hình cây hoặc sơ đồ cấu trúc thường được sử dụng để thể hiện sự liên kết chặt chẽ và đầy đủ giữa các nội dung, đồng thời đóng vai trò như một tài liệu ôn tập hiệu quả.

4.2. Sử dụng SĐTD trong các hoạt động học của SV

4.2.1. Sử dụng SĐTD trong hoạt động thảo luận, thuyết trình

Dưới sự hướng dẫn của GV, SV thể hiện một nội dung học tập bằng SĐTD và thuyết trình thảo luận trước cả lớp hoặc một cuộc thi thiết kế SĐTD giữa các nhóm, các lớp. Sau khi các nhóm thuyết trình, GV yêu cầu các nhóm khác nhận xét, góp ý về SĐTD, từ đó giúp nhóm trình bày hoàn thiện, bổ sung, chỉnh sửa SĐTD một lần nữa, trở thành tài nguyên trong “ngân hàng SĐTD” trên hệ thống học liệu số của môn học.

Hình 4

SV sử dụng SĐTD trong phần thảo luận trên lớp và trong cuộc thi giữa các lớp



SĐTD giúp SV có thể trình bày một lượng lớn thông tin theo cấu trúc rõ ràng, thông qua các hình ảnh, màu sắc và phân vùng, giúp người nghe dễ dàng theo dõi. Trong quá trình thuyết trình, SV cũng có thể tận dụng các nhánh và cấu trúc tầng bậc để trình bày từng phần nội dung, tránh sự chông chéo và lộn xộn thông tin. Ngoài ra, SĐTD còn hỗ trợ người thuyết trình thể hiện rõ ràng mối quan hệ giữa các yếu tố, tăng cường tính logic và sự liên kết, giúp người nghe dễ dàng hình thành sự hiểu biết tổng thể. Việc sử dụng công cụ này cũng giúp giảm sự phụ thuộc vào bản thảo văn bản, cải thiện tính trôi chảy của bài thuyết trình, đồng thời giúp SV tập trung hơn vào việc tương tác với khán giả trong khi trình bày.

4.2.2. Sử dụng SĐTD khi ôn tập kiến thức

Thông thường, sau mỗi bài học hoặc mỗi chương, GV thường yêu cầu mỗi SV tự tóm tắt nội dung đã học bằng một SĐTD. Việc làm này không chỉ giúp SV tăng cường khả năng ghi nhớ và hiểu sâu kiến thức, phát triển kỹ năng tư duy hệ thống mà còn nâng cao khả năng tự học và tự quản lý kiến thức của SV. SV học cách tự tổng hợp và sắp xếp thông tin, giúp hình thành thói quen học tập chủ động và rèn luyện kỹ năng quản lý kiến thức hiệu quả. Đây đồng thời cũng là tài liệu ôn tập hiệu quả khi kết thúc môn học.

5. Phương pháp nghiên cứu

Trong nghiên cứu này, tác giả sử dụng nghiên cứu hành động nhằm giúp SV giải quyết những khó khăn khi học tiếng Trung Quốc chuyên ngành kinh tế và qua đó từng bước cải thiện hiệu quả học tập. Nghiên cứu hành động “cho phép và hỗ trợ nhà giáo dục theo đuổi các hoạt động sư phạm hiệu quả thông qua việc chuyển những quyết định giảng dạy thành hành động, qua đó tăng hứng thú và hiệu quả học tập của người học” (dẫn theo Nguyễn, 2021). Nghiên cứu kéo dài trong 15 tuần và bao gồm các bước của một chu trình nghiên cứu hành động: Xác định vấn đề, lập kế hoạch hành động, thực hiện hành động, phản tư và đánh giá.

5.1. Đối tượng tham gia

Tham gia trong nghiên cứu này có 86 SV năm thứ tư ngành Ngôn ngữ Trung Quốc thuộc 4 lớp cùng một niên khóa, cùng học học phần Kinh tế Trung Quốc đương đại tại một trường đại học chuyên về giảng dạy và nghiên cứu ngoại ngữ. Độ tuổi của nhóm nghiên cứu từ 20-22 tuổi, đã hoàn thành ít nhất hai năm học tiếng Trung Quốc cơ sở với các kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết, một số đã học tiếng Trung Quốc từ bậc THPT. Trong học phần này, SV học 3 tiết một tuần, mỗi tiết 50 phút, mỗi tuần học một chủ đề nội dung khác nhau.

5.2. Công cụ thu thập dữ liệu

5.2.1. Bài kiểm tra đầu vào và đầu ra

Nghiên cứu hành động sử dụng bài kiểm tra đầu vào và đầu ra để đánh giá. Dựa trên kết quả của 2 bài kiểm tra này, tác giả có thể đánh giá hiệu quả của việc sử dụng SĐTD đối với các học phần tiếng Trung Quốc chuyên ngành kinh tế. Trong các bài kiểm tra này, SV được yêu cầu làm các dạng bài tập: chọn đáp án đúng, phán đoán đúng sai để kiểm tra mức độ ghi nhớ và hệ thống kiến thức, bài tập điền chỗ trống để kiểm tra mức độ ghi nhớ các cụm từ trọng điểm, các thuật ngữ chuyên ngành. Điểm của bài kiểm tra phân thành năm cấp độ từ A đến F, tương ứng với các khoảng điểm: A (8,5-10), B (7-8,4), C (5,5-6,9), D (4-5,4), và F (<4).

5.2.2. Khảo sát trước và sau khi áp dụng phương pháp SĐTD

Sau 2 tuần được học với phương pháp giảng dạy thông thường, SV thực hiện một khảo sát gồm 7 câu hỏi trắc nghiệm về đánh giá ban đầu của mình đối với môn học và những hiểu biết về phương pháp SĐTD (Phụ lục 1). Cuối kì học, SV sẽ thực hiện thêm một khảo sát nhằm đưa ra quan điểm của mình về phương pháp sử dụng SĐTD trong dạy và học các môn học tiếng Trung Quốc kinh tế (Phụ lục 2). Một bảng hỏi với 15 câu hỏi được thiết kế gồm 13 câu hỏi trắc nghiệm và 2 câu hỏi mở dạng trả lời ngắn để SV có thể tự do trình bày ý kiến của mình. Các câu hỏi được thiết kế để đảm bảo tính khoa học và độ tin cậy cao trong việc thu thập quan điểm của SV. Khảo sát này sẽ giúp tác giả hiểu được hiệu quả của phương pháp SĐTD trong việc giải quyết các khó khăn của SV khi học, đồng thời cũng thu được những ưu và nhược điểm của phương pháp này dưới góc nhìn của SV. Qua đó, tác giả có thể điều chỉnh và cải thiện các hoạt động giảng dạy về sau, đúng với tinh thần cốt lõi của nghiên cứu hành động là tính phản tư. Dựa trên kết quả phản tư, kế hoạch hành động được điều chỉnh để cải thiện hiệu quả. Chu trình sau đó tiếp tục lặp lại, với mục tiêu không ngừng cải tiến vấn đề trong thực tiễn.

5.3. Các bước tiến hành

Tác giả đã thực hiện nghiên cứu theo các bước của một chu trình nghiên cứu hành động như đã nêu ở trên, bao gồm:

5.3.1. Xác định vấn đề

Bước này được xác định trong 2 tuần đầu tiên của kì học. SV được giới thiệu sơ qua về môn học, tài liệu, yêu cầu, quy định của lớp học và học 2 nội dung đầu tiên trong chương trình với các phương pháp giảng dạy: thuyết giảng, thảo luận, làm bài tập với công cụ hỗ trợ Power point. Kết thúc 2 nội dung học đầu tiên, SV thực hiện bài kiểm tra đầu vào và khảo sát trước khi thử nghiệm.

5.3.2. Lập kế hoạch hành động

Dựa trên kết quả khảo sát và kết quả bài kiểm tra đầu vào, tác giả thiết kế một kế hoạch hành động chi tiết, bao gồm: mục tiêu, chiến lược và các nguồn lực cần thiết. Vào tuần 3 khi bắt đầu thực hiện áp dụng phương pháp SĐTD, GV giới thiệu và hướng dẫn về cách thực hiện SĐTD cũng như giới thiệu các phần mềm hỗ trợ về SĐTD.

5.3.3. Thực hiện hành động

Trong bước này, kế hoạch được triển khai trong bối cảnh thực tế với các hoạt động dạy và học đã được nêu ở phần 4. Tác giả không chỉ thực hiện mà còn liên tục quan sát phản ứng của SV và hoạt động trên lớp để kịp thời thay đổi nếu cần thiết. Bước này được thực hiện từ tuần 3 đến tuần 14 của kì học.

5.3.4. Phản tư và đánh giá

Tuần 15, SV thực hiện bài kiểm tra đầu ra và hoàn thành khảo sát số 2. Dựa trên kết quả kiểm tra và kết quả khảo sát, GV đánh giá hiệu quả của phương pháp và rút ra bài học cho chu trình tiếp theo.

6. Kết quả và thảo luận

6.1. Bài kiểm tra đầu vào và đầu ra

Để kiểm tra xem sau một kì học với sự áp dụng SĐTD vào dạy và học, SV có cải thiện được mức độ ghi nhớ và hệ thống kiến thức, mức độ hiểu các nội dung và từ vựng chuyên ngành, tác giả đã yêu cầu SV làm bài kiểm tra đầu vào (trước khi thử nghiệm) và kiểm tra đầu ra (sau khi thử nghiệm).

Bảng 1

Điểm của hai bài kiểm tra đầu vào và đầu ra

Cấp độ	Kiểm tra đầu vào		Kiểm tra đầu ra	
	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
A ((8.5-10)	19	22,1	34	39,5
B (7-8.4)	25	29,1	23	26,7
C (5.5-6.9)	18	20,9	10	11,6
D (4-5.4)	16	18,6	13	15,1
F (<4)	8	9,3	6	7,1

Kết quả thống kê từ bảng 1 cho thấy: Đối với bài kiểm tra đầu vào (trước khi thử nghiệm), trong tổng số 86 SV tham gia nghiên cứu có đến gần một nửa (48,8 %) SV đạt mức điểm dưới 7; đến bài kiểm tra đầu ra (sau khi thử nghiệm), tỉ lệ này đã giảm xuống chỉ còn 33,8%. Tỉ lệ SV đạt mức điểm A (trên 8.5) cũng tăng đáng kể từ 22,1% lên 39,5%. Sự khác biệt đáng kể giữa kết quả bài thi đầu vào và đầu ra đã thể hiện sự tiến bộ rõ rệt của SV sau khi học tiếng Trung Quốc chuyên ngành kinh tế thông qua SĐTD và cũng giúp tác giả trả lời được một phần câu hỏi nghiên cứu thứ nhất: Với phương pháp sử dụng SĐTD, SV đã có những cải thiện đáng kể về mức độ ghi nhớ và hệ thống kiến thức, mức độ hiểu và ghi nhớ các nội dung và thuật ngữ chuyên ngành.

6.2. Phản hồi của SV

Tác giả tiến hành hai khảo sát vào trước và sau khi thử nghiệm với mục đích tìm hiểu xem liệu đây có phải là phương pháp phù hợp với SV hay không, dưới góc nhìn của người học. Toàn bộ 86 SV đã tham gia trả lời câu hỏi khảo sát. Kết quả khảo sát được ghi nhận, tổng hợp và trình bày dưới đây:

6.2.1. Những lợi ích của việc sử dụng SĐTD trong các môn học tiếng Trung Quốc chuyên ngành kinh tế

Bảng 2

Quan điểm của SV về những lợi ích của việc sử dụng SĐTD trong các môn học tiếng Trung Quốc chuyên ngành kinh tế

	Hoàn toàn không đồng ý		Không đồng ý		Trung lập		Đồng ý		Hoàn toàn đồng ý	
Q1.1	0	0%	0	0%	8	9,1%	61	71,1%	17	19,8%

Q1.2	0	0%	0	0%	21	23,9%	48	55,7%	17	20,4%
Q1.3	0	0%	0	0%	13	14,8%	59	68,6%	14	16,6%
Q1.4	0	0%	0	0%	15	18,0%	56	65,1%	14	16,9%

Q1.1. *SĐTD giúp tôi ghi nhớ và hệ thống kiến thức tốt hơn.*

Q1.2. *SĐTD giúp tôi ghi nhớ các cụm từ quan trọng, các thuật ngữ chuyên ngành tốt hơn.*

Q1.3. *SĐTD giúp bài thuyết trình có bố cục rõ ràng và logic hơn.*

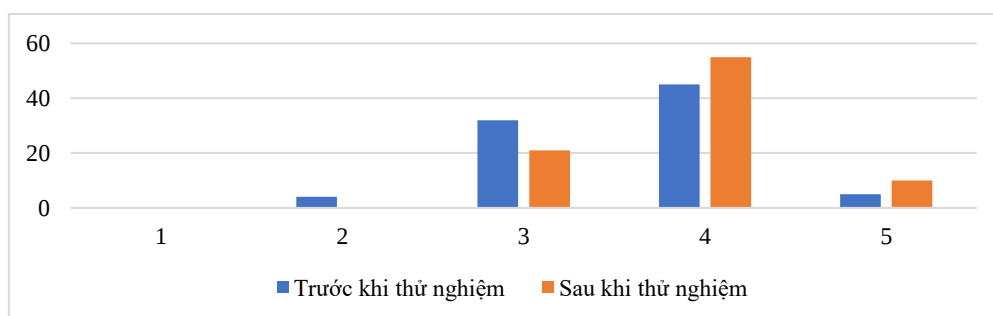
Q1.4. *SĐTD giúp tôi gia tăng hứng thú và động lực học tập môn học này hơn.*

Kết quả cho thấy đa số SV đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý với các lợi ích của SĐTD và thể hiện mức độ thích thú cao với việc áp dụng SĐTD vào các môn học tiếng Trung Quốc kinh tế (tổng tỉ lệ đồng ý và hoàn toàn đồng ý của 4 câu hỏi là từ 76,1% đến 90,9%). Mức độ đồng ý cao nhất ở nhận định *SĐTD giúp người học ghi nhớ và hệ thống kiến thức tốt hơn* (90,9%), tiếp theo là nhận định *SĐTD giúp bài thuyết trình có bố cục rõ ràng và logic hơn* (85,2%). Các hoạt động luyện tập với SĐTD thường được triển khai theo nhóm SV. Quá trình sáng tạo hình ảnh và nội dung và việc thuyết trình bằng SĐTD với các nội dung được khái quát hóa trong một hình vẽ đã đem lại hứng thú lớn cho SV so với hình thức thuyết trình truyền thống dùng nhiều slide Powerpoint và phụ thuộc nhiều vào việc đọc lại nội dung trên slide.

Đáng lưu ý, trong cả hai bảng khảo sát trước khi thử nghiệm và sau khi thử nghiệm, tác giả đều đưa ra câu hỏi: Em có hứng thú với môn học này không? Câu hỏi này được đánh giá từ 1-5 theo mức độ hứng thú; 1- Không hứng thú; 5- Rất hứng thú và thu được kết quả như sau:

Biểu đồ 1

Mức độ hứng thú của SV đối với môn học trước và sau khi thử nghiệm



Biểu đồ trên cho thấy có sự gia tăng đáng kể về mức độ yêu thích. Trước khi thử nghiệm, chỉ có 50/86 (chiếm 58,1%) SV chọn mức độ 4 và 5, có tới 32/86 (chiếm 37,2%) SV chọn mức độ trung lập. Tuy nhiên, sau khi thử nghiệm, số lượng SV chọn mức độ 4 và 5 đều gia tăng, số SV chọn mức độ 4 và 5 tăng lên thành 65/86 SV (chiếm 75,6%), tỉ lệ trung lập cũng giảm mạnh xuống chỉ còn 21/86 SV (chiếm 24,4%). Có thể thấy, nhận thức của người học đối với môn học đã thay đổi tích cực sau khi sử dụng SĐTD vào hoạt động dạy và học. Điều này càng củng cố nhận định SĐTD hiệu quả trong việc gia tăng hứng thú và động lực học tập của người học đối với môn học này.

Như vậy, dựa trên kết quả khảo sát, cùng với kết quả bài kiểm tra đã phân tích ở trên, tác giả đã có thể trả lời được hoàn chỉnh câu hỏi nghiên cứu thứ nhất. Đó là việc sử dụng SĐTD trong các môn học tiếng Trung Quốc chuyên ngành kinh tế đã góp phần giải quyết những khó khăn của SV, cụ thể là ở các khía cạnh (sắp xếp theo mức độ hiệu quả giảm dần): ghi nhớ và hệ thống kiến thức; giúp bài thuyết trình có bố cục rõ ràng và logic hơn; gia tăng hứng thú và động lực học tập; giúp ghi nhớ các cụm từ quan trọng, các thuật ngữ chuyên ngành tốt hơn.

6.2.2. Những khó khăn và đề xuất trong việc sử dụng SĐTD

Bảng 3

Quan điểm của SV về những khó khăn trong quá trình hoàn thành SĐTD khi học các môn tiếng Trung Quốc kinh tế

	Hoàn toàn không đồng ý		Không đồng ý		Trung lập		Đồng ý		Hoàn toàn đồng ý	
Q2.1	3	3,5%	10	11,6%	25	29,1%	38	44,2%	10	11,6%
Q2.2	0	0%	8	9,3%	16	18,6%	39	45,3%	23	26,7%
Q2.3	0	0%	10	11,6%	27	31,4%	30	34,9%	19	22,1%
Q2.4	4	4,7%	10	11,6%	25	29,1%	30	34,9%	17	19,8%
Q2.5	10	11,6%	9	10,5%	25	29,1%	27	31,4%	15	17,4%
Q2.6	0	0%	10	11,6%	19	22,1%	34	39,5%	23	26,7%

Q2.1. Tôi gặp khó khăn trong việc đưa ra ý tưởng xây dựng SĐTD

Q2.2. Tôi gặp khó khăn trong việc sắp xếp và liên kết các ý trong SĐTD

Q2.3. Tôi gặp khó khăn khi diễn đạt ý tưởng bằng tiếng Trung Quốc

Q2.4. Tôi không có đủ thời gian để hoàn thành SĐTD

Q2.5. Tôi gặp khó khăn trong việc sử dụng các công cụ công nghệ hỗ trợ thiết kế SĐTD

Q2.6. Tôi gặp khó khăn trong việc vẽ các hình vẽ

Kết quả cho thấy SV gặp khó khăn lớn nhất trong việc sắp xếp và liên kết các ý tưởng (tỉ lệ đồng ý và hoàn toàn đồng ý chiếm 72,1%), sau đó là khó khăn trong việc vẽ các hình vẽ (chiếm 66,3%), khó khăn khi diễn đạt ý tưởng bằng tiếng Trung Quốc (57%) và không có đủ thời gian để hoàn thành SĐTD (54%). Kết quả này có thể lý giải là do khả năng đồ họa và thể hiện ý tưởng bằng hình ảnh không phải là thế mạnh của sinh viên SV chuyên ngành ngôn ngữ. Việc hoàn thiện SĐTD đòi hỏi thời gian lên ý tưởng, thực hiện ý tưởng, nhóm SV phải thảo luận và gặp mặt để thực hiện ý tưởng, nhất là với các nhóm sử dụng hình thức SĐTD vẽ tay. SV năm thứ ba và thứ tư thường học thêm chuyên ngành thứ 2 hoặc tham gia làm thêm nhiều dẫn đến tình trạng không có đủ thời gian hoàn thành nhiệm vụ. Mặt khác, mặc dù tỉ lệ đồng ý và hoàn toàn đồng ý ở câu hỏi Q3.5 về khó khăn trong việc sử dụng các công cụ công nghệ hỗ trợ thiết kế SĐTD và đưa ra ý tưởng xây dựng SĐTD (tỉ lệ lần lượt là 48,8 % và 55,8%) không cao bằng các câu hỏi khác nhưng cũng cho thấy sự cần thiết của việc SV cần được giới thiệu và hướng dẫn bài bản về cách thực hiện SĐTD và đào tạo về sử dụng các phần mềm hỗ trợ vẽ SĐTD.

Câu hỏi mở thứ nhất dành cho 86 SV tham gia khảo sát là: Ngoài những khó khăn nêu trên, bạn còn gặp vấn đề gì trong quá trình hoàn thành SĐTD? Có 18/86 SV trả lời câu hỏi này, chủ yếu tập trung vào vấn đề hợp tác nhóm. SV gặp khó khăn trong việc sắp xếp thời gian để tất cả các thành viên trong nhóm đều có mặt. Điều này do lịch học của các thành viên trong nhóm khác nhau, một số thành viên còn tham gia học tập văn bằng thứ hai hoặc làm thêm, tham gia thực tập và các hoạt động ngoại khóa khác. Một số thành viên sống quá xa trường, khó để tìm ra thời gian chung để gặp mặt và cùng làm việc, đôi khi chỉ có thể sắp xếp vào buổi tối muộn hoặc tranh thủ khoảng thời gian ngắn ngủi trước mỗi giờ học hoặc giờ nghỉ giải lao. Thứ hai là sự phân công công việc không đồng đều giữa các thành viên cũng là một vấn đề phổ biến. Mặc dù phần lớn sinh viên đều thể hiện sự nhiệt tình và trách nhiệm cao, nhưng cũng có một số sinh viên không đủ nhiệt tình, quá hạn hoàn thành phần việc của mình dẫn đến làm chậm tiến trình của cả nhóm.

Câu hỏi mở thứ hai là bạn có kiến nghị gì để nâng cao hiệu quả của việc sử dụng SĐTD

trong các giờ học tiếng TQ chuyên ngành kinh tế, có 15/86 SV đưa ra ý kiến. Các ý kiến chủ yếu tập trung vào cải thiện hiệu quả làm việc nhóm và quản lý thời gian: Càng sớm sắp xếp thời gian và kế hoạch càng tốt, tốt nhất là ngay khi nhận được nhiệm vụ thì có kế hoạch cụ thể, đưa ra một bảng timeline rõ ràng từng đầu việc cho từng thành viên, tránh việc vội vàng trong một hai ngày cuối. Các thành viên trong nhóm cũng nên chủ động đề xuất phần mình muốn đảm nhận, không chỉ dựa vào sự phân công của trưởng nhóm. Cũng có SV đưa ra ý kiến kết thúc mỗi giờ học, nên tự mình hoàn thiện ngay một SĐTD để tổng kết những nội dung vừa học. Điều này vừa tận dụng vai trò của trí nhớ ngắn hạn, giúp ghi nhớ dễ dàng những kiến thức vừa học, vừa có thể xây dựng đề cương ôn tập cuối kì ngay trong quá trình học. Bên cạnh đó, cũng có ý kiến cho rằng, mặc dù SV đã được tích lũy và trang bị những kiến thức cơ bản về sử dụng SĐTD, các công cụ công nghệ hỗ trợ thiết kế SĐTD ngày càng phổ biến, dễ sử dụng, đồng thời SV cũng đã được tiếp xúc, luyện tập với SĐTD trong các môn học trước đó nhưng SV vẫn cần được hướng dẫn và hỗ trợ trong việc lên ý tưởng thiết kế SĐTD, cách thức sắp xếp và liên kết các ý tưởng, cũng như việc sử dụng ngôn ngữ (cấu trúc, từ vựng).

Nói tóm lại, kết quả khảo sát đã trả lời cho câu hỏi nghiên cứu thứ hai, cho thấy việc sử dụng SĐTD trong các môn học tiếng Trung Quốc chuyên ngành kinh tế đã thu được những tín hiệu tích cực từ phía SV. Đây là một phương pháp giảng dạy mang lại hiệu quả trên nhiều phương diện đối với môn học, tuy nhiên, cũng có những khó khăn trong khi triển khai các hoạt động mà GV cần nhìn nhận rõ để khắc phục và xử lý linh hoạt.

7. Thảo luận

Trên cơ sở các bước quan sát, phản tư và đánh giá của nghiên cứu hành động mà chúng tôi đã thực hiện, cùng với kết quả khảo sát đã phân tích ở trên, chúng tôi xin đưa ra một vài kiến nghị về việc sử dụng SĐTD trong các học phần tiếng Trung Quốc chuyên ngành kinh tế như sau:

Thứ nhất, hợp lý về mức độ và số lượng. Thiết kế một SĐTD phù hợp với nội dung giảng dạy là một nhiệm vụ không hề đơn giản. Do đó, trong mỗi bài học (thường là 3 tiết), chỉ nên sử dụng từ một đến hai SĐTD. Ngoài ra, SĐTD không nên quá phức tạp, cầu kì, cần phù hợp với khả năng và quỹ thời gian của SV và tiến độ giảng dạy, đồng thời, việc chọn chủ đề cũng cần thận trọng, không phải chủ đề nào cũng phù hợp để dùng SĐTD.

Thứ hai, kết hợp cả hai cách vẽ SĐTD: cách vẽ truyền thống với bút màu, giấy vẽ và cách sử dụng các phần mềm hỗ trợ vẽ. SĐTD vẽ theo cách truyền thống có ưu điểm trực quan, trực tiếp, hỗ trợ SV phát huy tối đa khả năng sáng tạo khi xây dựng và hệ thống hóa ý tưởng, cũng như tạo bầu không khí sôi nổi. Tuy nhiên, việc thay đổi kết cấu, ý tưởng, thêm nhánh hay xóa nhánh sẽ khá phiền phức và mất thời gian. Vẽ SĐTD bằng các phần mềm mindmap có ưu điểm nổi trội là thêm bớt các mối liên kết nhanh chóng, đồng thời cũng có thể dễ dàng chỉnh sửa, thay đổi, cũng như chèn các hình ảnh, âm thanh sống động. Tuy nhiên, không phải tất cả SV đều thành thạo các thao tác trên phần mềm. Việc kết hợp cả hai cách vẽ SĐTD sẽ hình thành một trải nghiệm hiệu quả và linh hoạt cho cả người dạy và người học.

Thứ ba, đối với những khó khăn và ý kiến đề xuất của SV, GV nên vừa khơi dậy tính chủ động của người học, vừa đồng hành hướng dẫn SV. Việc để SV tự do suy nghĩ để hình thành nên ý tưởng, cũng như sắp xếp các ý tưởng rất hữu ích với phát triển tư duy của người học. Tuy vậy, GV cũng cần tổ chức buổi hướng dẫn sử dụng phần mềm vẽ SĐTD, gợi mở cho SV về cách xây dựng SĐTD, cách sử dụng ngôn ngữ để diễn đạt ý tưởng và cách sắp xếp, kết nối các ý tưởng cũng như cung cấp cho SV đủ thời gian để xây dựng SĐTD. Bên cạnh đó, GV tổ chức cả lớp cùng nhận xét, chấm chữa các sản phẩm SĐTD sẽ giúp SV học hỏi lẫn nhau và tự đúc rút được những kinh nghiệm cho bản thân.

8. Hạn chế của nghiên cứu

Nghiên cứu có hạn chế là thời gian thử nghiệm chỉ trong 15 tuần, thiếu đánh giá dài hạn. Bên cạnh đó, nghiên cứu mới chỉ khẳng định được hiệu quả của phương pháp sử dụng SĐTD mà chưa có sự so sánh với các phương pháp giảng dạy khác. Các nghiên cứu tiếp theo của tác giả sẽ bổ sung nghiên cứu đối chứng, 1 lớp sử dụng phương pháp truyền thống, 1 lớp sử dụng phương pháp SĐTD trong toàn bộ 15 tuần để đem lại cái nhìn khách quan hơn về hiệu quả cũng như ưu nhược điểm của phương pháp này.

9. Kết luận

Tóm lại, SĐTD đã được chứng minh là phù hợp với SV trong nghiên cứu này. Kết quả nghiên cứu cho thấy hiệu quả của việc tích hợp SĐTD trong các hoạt động dạy và học các học phần tiếng Trung Quốc chuyên ngành kinh tế. Nghiên cứu không chỉ làm nổi bật sự cải thiện đáng kể về mức độ ghi nhớ và hệ thống kiến thức, mức độ hiểu và ghi nhớ các nội dung và thuật ngữ chuyên ngành mà còn ghi nhận phản ứng tích cực của SV đối với phương pháp sáng tạo này. Những kết quả này góp phần đưa việc áp dụng SĐTD vào giảng dạy tiếng Trung Quốc chuyên ngành kinh tế nói riêng và các chuyên ngành khác, giúp GV có một công cụ giảng dạy đổi mới, sáng tạo, đáp ứng nhu cầu và sở thích của người học. Tuy nhiên, không có phương pháp hoàn hảo, mà chỉ có phương pháp phù hợp với hoàn cảnh dạy và học. Trong quá trình sử dụng phương pháp này, GV cần linh hoạt áp dụng hoặc kết hợp cùng các phương pháp khác để khắc phục những khó khăn cũng như tạo ra hiệu quả tốt nhất.

Tài liệu tham khảo

- Du, Q. L. (2022). The application of mind maps in Chinese vocabulary learning. In *International Conference on New Concepts, New Silk Roads, and New Methods in International Chinese Language Teaching* (in Chinese) (pp. 135-145). VNU Press.
- Do, T. P. M., & Nguyen, T. T. L. (2024). Hiệu quả của việc sử dụng sơ đồ tư duy trong việc giảng dạy ngữ pháp tiếng Anh cho học sinh lớp 11 tại một trường trung học ở Hà Nội (The effectiveness of using mind maps in teaching English Grammar to 11th-grades students at a High School in Hanoi). *Journal of Language*, 3, 24-31.
- Le, T. N. H., & Vu, T. M. (2023). Sử dụng sơ đồ tư duy trong hoạt động nói tiếng Anh theo chủ đề của sinh viên không chuyên ngữ (The application of mind maps in topic talk for non-English major Students). *Journal of Language*, 4, 57-67.
- Li, M. Y. (2011). *The application of mind maps in teaching Chinese vocabulary* (in Chinese) [Master's thesis, Liaoning University]. CNKI.
- Liu, K. (2018). *The application of mind maps in teaching Chinese reading comprehension in Indonesia* [Master's thesis, Guangxi Shifan University]. CNKI.
- Lu, Q. Y. (2023). *A practical study on the application of mind maps in teaching advanced Chinese vocabulary* (in Chinese). [Master's thesis, Heilongjiang University]. CNKI.
- Nguyen, N. H. (2021). An action research on improving EFL students' essay writing skills by using the process approach. *VNU Journal of Foreign Studies*, 37(5), 45-65. <https://doi.org/10.25073/2525-2445/vnufs.4671>
- Pham, T. D. L. (2021). Áp dụng sơ đồ tư duy trực tuyến (online mindmap) trong việc cải thiện viết đoạn văn (Applying online mind map in improving paragraph writing). *HNUE Journal of Science: Educational Sciences*, 66(2), 25-35. <https://vjol.info.vn/index.php/DHSP-GD/article/view/65664>
- Tran, T. T. (2021). Sơ đồ tư duy - Công cụ vạn năng và cách ứng dụng trong dạy học thành tố phát âm tiếng Anh (The mind map as a versatile tool: applications in teaching the components of English pronunciation). *Journal of Educational Equipment*, 241(2), 49-51.
- Yuan, M. M. (2021). *Research and instructional design on the application of mind maps in a medical preparatory Chinese course: A case study of the Textbook "Reading and Writing Chinese for Western Pharmacy"* (in Chinese). [Master's thesis, Shandong University]. CNKI.

PHỤ LỤC

